

Danh Sách Ghi Điểm**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (112 -)/DA21MNA

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

18/3/23Phòng thi: ĐP1.105

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114221004	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	04/04/2003	Nữ	8,0	3.5	5,8	001	<i>Nguyễn Mỹ Duyên</i>		
2	114221009	Trần Thị Như Huế	11/08/2002	Nữ	8,0	3.5	5,8	002	<i>Trần Thị Như Huế</i>		
3	114221010	Trần Ngọc Mỹ	10/12/2003	Nữ	7,5	3.8	5,7	003	<i>Trần Ngọc Mỹ</i>		
4	114221015	Trần Thị Như Ngọc	23/06/2003	Nữ	7,5	4.5	6,0	004	<i>Trần Thị Như Ngọc</i>		
5	114221016	Trần Nguyên Ngọc	30/10/2000	Nữ	9,3	6.3	7,8	005	<i>Trần Nguyên Ngọc</i>		
6	114221017	Trần Thị Huệ Nhi	18/08/2003	Nữ	8,5	5.3	6,9	006	<i>Trần Thị Huệ Nhi</i>		
7	114221018	Võ Thị Huỳnh Như	17/10/2003	Nữ	8,0	7.3	7,7	007	<i>Võ Thị Huỳnh Như</i>		
8	114221019	Trần Tuyết Như	09/01/2003	Nữ	8,0	5.5	6,8	008	<i>Trần Tuyết Như</i>		
9	114221022	Kim Thị Thiên Ni	08/03/2003	Nữ	7,0	3.3	5,2	009	<i>Kim Thị Thiên Ni</i>		
10	114221023	Thạch Thị Tha Ni	19/03/2002	Nữ	7,5	4.3	5,9	010	<i>Thạch Thị Tha Ni</i>		
11	114221026	Phạm Nguyễn Thanh Thảo	02/04/2003	Nữ	7,5	5.0	6,3	011	<i>Phạm Nguyễn Thanh Thảo</i>		
12	114221027	Lê Yến Thơ	06/11/2003	Nữ	8,3	3.0	5,7	012	<i>Lê Yến Thơ</i>		
13	114221029	Mai Anh Thư	31/03/2003	Nữ	9,3	5.3	7,3	013	<i>Mai Anh Thư</i>		
14	114221030	Trần Thị Minh Thư	09/04/2003	Nữ	8,8	4.3	6,6	014	<i>Trần Thị Minh Thư</i>		
15	114221031	Nguyễn Thị Minh Thư	24/01/2003	Nữ	8,8	4.3	6,6	015	<i>Nguyễn Thị Minh Thư</i>		
16	114221032	Thạch Thị Kim Thư	05/04/2003	Nữ	7,8	2.8	5,3	016	<i>Thạch Thị Kim Thư</i>		
17	114221035	Thạch Thị Ngọc Trân	27/01/2003	Nữ	8,0	4.8	6,4	017	<i>Thạch Thị Ngọc Trân</i>		
18	114221036	Trần Thị Quế Trân	13/06/2003	Nữ	8,0	4.0	6,0	018	<i>Trần Thị Quế Trân</i>		
19	114221037	Nguyễn Yến Trang	25/11/2003	Nữ	8,0	3.5	5,8	019	<i>Nguyễn Yến Trang</i>		
20	114221038	Lê Thị Diễm Trinh	07/05/2003	Nữ	8,0	5.3	6,7	020	<i>Lê Thị Diễm Trinh</i>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20Tổng số tờ: 20Cán bộ coi thi 1: *Nguyễn Thị Lanh*

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%Trà Vinh, Ngày 22 tháng 3 năm 2023Cán bộ ghi điểm: *Trần Thị Lanh*Cán bộ kiểm tra: *Nguyễn Thị Lanh*

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

17/3
ĐH.107

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)
Số tín chỉ 2
Nhóm/Lớp: (112 -)/DA21MNA
CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
17 / 3 / 2023
Phòng thi: ĐH.107

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114221039	Thạch Trịnh Kim Trúc	16/12/2003	Nữ	7,5	4,8	6,2	001			
2	114221045	Tăng Thị Thủy An	06/10/2003	Nữ	8,3	3,5	5,9	002			
3	114221060	Nguyễn Trần Như Huỳnh	05/08/2003	Nữ	8,0	4,3	6,2	003			
4	114221075	H' Lin Đa - Ê Ban	20/11/2003	Nữ	9,0	5,8	7,4	004			
5	114221107	Đỗ Hoàng Muội	17/02/2003	Nữ	7,8	4,3	6,1	005			
6	114221134	Thạch Thị Ngọc Hiếu	05/01/2003	Nữ	7,0	3,5	5,3	006			
7	114221146	Kim Thị Cẩm Chi	01/10/2003	Nữ	8,0	5,0	6,5	007			
8	114221147	Kiên Thị Thanh Lý	15/08/2003	Nữ	7,8	4,8	6,3	008			
9	114221153	Nguyễn Thị Ngọc Hân	11/06/2003	Nữ	8,3	6,5	7,4	009			
10	114221165	Kiên Thị Hồng Luyến	25/05/2003	Nữ	7,5	2,8	5,2	010			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 10
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 10
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 10
Tổng số tờ:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 22 tháng 3 năm 2023

Cán bộ coi thi 1:

Cán bộ ghi điểm:

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra:

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

17/3
Đ71.106

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)
Số tín chỉ 2
Nhóm/Lớp: (112 -)/DA21YKE
CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
17/03/2023
Phòng thi: Đ71.106

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116020535	Trịnh Bích Quê	09/01/2002	Nữ	8,0	6,0	7,0	001			
2	116021012	Lê Kiều Tú	15/08/2003	Nữ	10,0	8,5	9,3	002			
3	116021014	Nguyễn Hải Đăng	04/01/2003	Nam	8,0	7,8	7,9	003			
4	116021018	Hà Thanh Nhân	27/06/2003	Nam	9,5	7,5	8,5	004			
5	116021043	Trần An Khang	01/06/2002	Nam	9,0	7,8	8,4	005			
6	116021079	Nguyễn Mai Thúy An	27/02/2003	Nữ	8,8	7,3	8,1	006			
7	116021083	Trần Thông Thuận	20/09/2003	Nam	8,3	6,0	7,2	007			
8	116021096	Vũ Anh Duy	02/08/2003	Nam	9,5	5,8	7,7	008			
9	116021099	Trần Quốc Trí	17/05/2003	Nam	8,3	5,5	6,9	009			
10	116021104	Nguyễn Huy Hoàng	29/08/2003	Nam	8,8	5,8	7,3	010			
11	116021113	Bùi Minh Thư	04/04/2003	Nữ	8,5	7,0	7,8	011			
12	116021114	Trần Anh Thư	27/12/2003	Nữ	9,8	6,3	8,1	012			
13	116021119	Phạm Trương Tường	15/09/2003	Nam	8,8	7,3	8,1	013			
14	116021122	Nguyễn Thành Thái	21/07/2003	Nam	8,3	5,5	6,9	014			
15	116021144	Nguyễn Thị Nhung	15/12/2003	Nữ	9,5	5,5	7,5	015			
16	116021145	Mai Phạm Đăng Khoa	04/06/2003	Nam	8,0	7,0	7,5	016			
17	116021152	Phạm Hoàng Nam	04/10/2003	Nữ	8,0	6,0	7,0	017			
18	116021158	Nguyễn Xuân Quỳnh	04/08/2003	Nữ	8,8	5,3	7,1	018			
19	116021183	Trịnh Thị Như Quỳnh	19/05/2003	Nữ	8,5	5,8	7,2	019			
20	116021184	Phạm Anh Khoa	26/04/2003	Nam	8,0	5,5	6,8	020			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20

Tổng số tờ: 20

Cán bộ coi thi 1:

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 22 tháng 3 năm 2023

Cán bộ ghi điểm:

Cán bộ kiểm tra:

Danh Sách Ghi Điểm**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (112 -)/DA21YKE

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TNNgày hoàn thành đánh giá kết thúc
17 / 3 / 2023Phòng thi: D71.107

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chỉ
1	116021198	Nguyễn Bá Khánh	Trình	Nam	9,5	8,0	8,8	011			
2	116021199	Lâm Thị Thanh	Diệu	Nữ	8,5	6,3	7,4	012			
3	116021207	Trần Diêu Bảo	Ngân	Nữ	8,0	8,3	8,2	013			
4	116021225	Trương Cát	Hằng	Nữ	9,3	8,8	9,1	014			
5	116021248	Ngô Nhật	Anh	Nữ	9,0	8,3	8,7	015			
6	116021252	Đoàn Gia	Khánh	Nam	8,0	5,5	6,8	016			
7	116021283	Nguyễn Bích Lệ	Uyển	Nữ	9,8	6,5	8,2	017			
8	116021288	Huỳnh Thị Kim	Dung	Nữ	8,0	6,0	7,0	018			
9	116021300	Nguyễn Xuân	Phi	Nam	8,0	7,0	7,5	019			
10	116021323	Nguyễn Đức	Khánh	Nam	8,3	5,8	7,1	020			
11	116021327	Lê Ngọc Liên	Nhi	Nữ	8,0	5,8	6,9	021			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 11....Tổng số sv, hs dự đánh giá: 11....Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 11....

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1:.....

Nguyễn Thị Ngọc Liên

Cán bộ coi thi 2:.....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %Trà Vinh, Ngày 22 tháng 3 năm 2023

Cán bộ ghi điểm:.....

Đoàn Sơn Sơn

Cán bộ kiểm tra:.....

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (112 -)/DA21TYC

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

17/3 / 3 / 2023Phòng thi: D71.103

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	111321045	Nguyễn Lê Khanh	12/04/2003	Nữ	9,0	6,0	7,5	001	<i>Khánh</i>		
2	111321127	Đặng Ngọc Hân	23/09/2003	Nữ	8,8	4,8	6,8	002	<i>Thị</i>		
3	111321132	Thạch Phú Thuận	03/05/2003	Nam	7,8	3,8	5,8	003	<i>Phú</i>		
4	111321133	Mai Phan Hoàng Diệu	28/03/2003	Nữ	9,3	5,0	7,2	004	<i>Diệu</i>		
5	111321136	Cao Thúy Vy	15/12/2003	Nữ	8,0	3,5	5,8	005	<i>Vy</i>		
6	111321137	Nguyễn Duy Khang	22/02/2003	Nam	8,0	6,0	7,0	006	<i>Khang</i>		
7	111321138	Sơn Chí Nguyên	17/10/2003	Nam	7,8	3,5	5,7	007	<i>Sơn</i>		
8	111321144	Huỳnh Thị Diễm My	16/01/2003	Nữ	8,0	5,3	6,7	008	<i>My</i>		
9	111321146	Phạm Quốc Bảo	10/04/2003	Nam	7,8	3,5	5,7	009	<i>Bảo</i>		
10	111321147	Lê Tấn Tài	19/06/2003	Nam	8,0	4,0	6,0	010	<i>Tài</i>		
11	111321165	Thạch Thanh Ra	07/05/1993	Nam	8,8	5,5	7,2	011	<i>Ra</i>		
12	111321170	Nguyễn Tấn Tài	28/09/2003	Nam	7,8	2,3	5,1	012	<i>Tài</i>		
13	111321173	Trần Thành Đạt	20/05/2003	Nam	8,3	5,5	6,9	013	<i>Dat</i>		
14	111321175	Kim Thị Ly Hoa	21/01/2003	Nữ	8,0	5,8	6,9	014	<i>Ly</i>		
15	111321177	Thạch Thị Phụng	23/07/2003	Nữ	8,0	4,0	6,0	015	<i>Phụng</i>		
16	111321182	Nguyễn Thị Xuân Yến	25/07/2003	Nữ	8,0	6,5	7,3	016	<i>Yến</i>		
17	111321184	Trần Thị Lộc	11/03/2003	Nữ	8,3	5,8	7,1	017	<i>Lộc</i>		
18	111321189	Nguyễn Nhật Phàm	22/07/2003	Nam	8,0	6,8	7,4	018	<i>Phàm</i>		
19	111321192	Trương Phi Nhung	05/06/2002	Nữ	8,8	6,3	7,6	019	<i>Nhung</i>		
20	111321193	Lê Tuấn Khanh	26/03/2003	Nam	7,3	4,8	6,1	020	<i>Khanh</i>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20Tổng số tờ: 20Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Đình Hải

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%Trà Vinh, Ngày 22 tháng 3 năm 2023Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn LêCán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (112 -)/DA21TYC

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá:.....TT/.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

.....15/3/2023

Phòng thi:.....P.7.1.....10.4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	111321196	Bùi Ngô Quyền	Linh	26/01/2003	Nữ	8,3	4,8	6,6	006	<i>lu</i>	
2	111321202	Nguyễn Khoa	Nam	19/11/2003	Nam	7,8	5,8	6,8	007	<i>ph</i>	
3	111321204	Nguyễn Thị Minh	Thu	09/09/2003	Nữ	8,0	5,5	6,8	008	<i>th</i>	
4	111321206	Nguyễn Phúc	Thịnh	01/01/2003	Nam	8,0	5,8	6,9	009	<i>ph</i>	
5	111321210	Nguyễn Thái	Bảo	25/03/2003	Nam	8,3	5,0	6,7	010	<i>th</i>	
6	111321211	Trương Thị Tuyết	Linh	17/08/2003	Nữ	9,5	6,5	8,0	011	<i>ay</i>	
7	111321212	Võ Thị Yến	Nhi	18/11/2003	Nữ	8,8	6,0	7,4	012	<i>yn</i>	
8	111321222	Lê Thị Anh	Thư	16/10/2003	Nữ	8,8	5,8	7,3	013	<i>th</i>	
9	111321223	Lý Khánh	An	08/10/2003	Nam	8,0	4,3	6,2	014	<i>ly</i>	
10	111321226	Ông Thị Diễm	Bình	07/05/2003	Nữ	8,0	4,3	6,2	015	<i>Binh</i>	
11	111321230	Ông Thị Bình	Nhi	07/05/2003	Nữ	8,3	4,0	6,2	016	<i>Nhi</i>	
12	111321231	La Cao Hồng	Lợi	07/02/2003	Nam	7,8	4,0	5,9	017	<i>Lai</i>	
13	111321236	Trần Kiều	Anh	09/12/2003	Nữ	8,3	6,0	7,2	018	<i>tr</i>	
14	111321238	Nguyễn Thị Kim	Oanh	08/08/2003	Nữ	7,8	2,5	5,2	019	<i>ng</i>	
15	111321245	Nguyễn Minh	Ngọc	01/11/2003	Nam	8,3	5,5	6,9	020	<i>ng</i>	

Tổng số sv, hs trên danh sách:.....15

Tổng số sv, hs dự đánh giá:.....15

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....15

Tổng số tờ:.....15

Cán bộ coi thi 1:.....Nguyễn Văn An

Cán bộ coi thi 2:.....

Điểm QT:.....50%; Điểm KT:.....50%

Trà Vinh, Ngày 22 tháng 3 năm 2023

Cán bộ ghi điểm:.....
Sơn Sơn CaCán bộ kiểm tra:.....
Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (112 -)/DA21QV

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TM

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

17/3/2023

Phòng thi: P.11.104

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110921043	Võ Ngọc Trâm	05/10/2003	Nữ	7,8	3,8	5,8	001	Trâm		
2	110921055	Nguyễn Thị Kim Yến	06/06/2003	Nữ	7,3	3,8	5,6	002	Yến		
3	110921061	Trần Thị Huỳnh Như	25/01/2003	Nữ	8,8	4,8	6,8	003	Như		
4	110921094	Kiên Thị Ly	09/12/2003	Nữ	7,8	3,5	5,7	004	Ly		
5	110921135	Phạm Thị Hồng Yến	27/10/2003	Nữ	7,8	5,0	6,4	005	Yến		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 05

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 05

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 05

Tổng số tờ: 05

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Văn Thảo

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 22 tháng 3 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Thal

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (112 -)/DA20QLTD

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

17/3/2023Phòng thi: D71.103

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	117820006	Lê Quang Thọ	04/09/2002	Nam	6,0	3,5	4,8	001	<u> </u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01Tổng số tờ: 01

Cán bộ coi thi 1:

Nguyễn Đình HảiĐiểm QT: 50%; Điểm KT: 50%Trà Vinh, Ngày 22 tháng 3 năm 2023

Cán bộ ghi điểm:

Phan Sơn Ca

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra:

 Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (112 -)/DA20YKF

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

18/3/2023

Phòng thi: D71.10.3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116020717	Huỳnh Long Hải	14/01/2002	Nam	<u>7,8</u>	<u>3,3</u>	<u>5,6</u>	<u>002</u>	<u>Hg</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ: 01

Cán bộ coi thi 1: Phan Đình Kim Hải

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 22 tháng 3 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn La

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: lall

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (112 -)/DA21ANH

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
17/3/2023

Phòng thi: Đ71.103

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	117121002	Lê Đại Lợi	01/09/2003	Nam	8,0	4,3	6,2	003	<u>14</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ: 14

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 22 tháng 3 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Đình Kim Hân

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn La

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (112 -)/DA21DB

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

17/3/2023

Phòng thi: Đ.71.103

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chi
1	115621074	Đinh Thị Ngọc Hân	19/05/2003	Nữ	10,0	9,3	9,7	004	<u>Đinh Thị Ngọc Hân</u>		
2	115621147	Thạch Thị Thu Huệ	10/12/2003	Nữ	10,0	5,0	7,5	005	<u>Thạch Thị Thu Huệ</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 02

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 02

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 02

Tổng số tờ: 02

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Đình Kim Hoàn

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 22 tháng 3 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Văn Sơn

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (112 -)/DA21THC

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

17/3/2023

Phòng thi: 771-103

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	114321264	Nguyễn Thị Ngọc Mỹ	19/07/2003	Nữ	9,0	5,8	7,4	006	<u>Nguyễn Ngọc Mỹ</u>		
2	114321326	Thạch Thị Hoài My	01/09/2003	Nữ	9,3	5,8	7,6	007	<u>Thạch Thị Hoài My</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 02

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 02

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 02

Tổng số tờ: 02

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Đình Kiên Hoàn

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 22 tháng 3 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Trần Văn Lân

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (112 -)/DA21TSB

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

17/3/2023

Phòng thi: D71-103

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110321075	Lương Hiếu Trung	31/10/2003	Nam	<u>/</u>	<u>/</u>	<u>/</u>	<u>/</u>	<u>/</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 51

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 50

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 50

Tổng số tờ: 50

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Kim Hân

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 22 tháng 3 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn La

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành